

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ MẠNG CÁP VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành - Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về Quy định quản lý mạng cáp treo viễn thông, truyền hình tại các phường, thị trấn, khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Nam. - Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.	Dự thảo Quyết định thay thế Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	Thuyết minh Dự thảo kế thừa các nguyên tắc quản lý cáp viễn thông quy định tại Quyết định 12/2015/QĐ-UBND, Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND; đồng thời điều chỉnh cho phù hợp với địa giới hành chính mới. Nội dung dự thảo được cập nhật theo Luật Viễn thông 2023, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các văn bản liên quan, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.
Phần Căn cứ		

- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông; Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020; Căn cứ Chỉ thị số 422/CT-TTg ngày 02/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý và phát triển bền vững cơ sở hạ tầng viễn thông; - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông; Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;	Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKHCN về ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030; Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;	Viện dẫn căn cứ pháp lý theo Điều 68 Nghị định 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để căn cứ xây dựng dự thảo Quyết định theo nguyên tắc: Giữ nguyên những văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực. Loại bỏ những văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực. Cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới
--	--	---

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa; - <i>Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND:</i> Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;	Căn cứ Thông tư 15/2023/TT-BXD về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông; Căn cứ Chỉ thị số 52/CT-BTTTT về việc tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông;	
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Quy định này quy định về quản lý mạng cáp treo viễn thông, truyền hình (sau đây gọi tắt là mạng cáp treo) tại các phường, thị trấn, khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Nam.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định về quản lý mạng cáp viễn thông bao gồm: Yêu cầu kỹ thuật và sử dụng chung cột treo cáp viễn thông; quản lý, lắp đặt mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà chung cư, công trình công cộng, khu	Địa bàn của dự thảo Quyết định rộng hơn, theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc

- <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định về quản lý cáp viễn thông bao gồm: Yêu cầu kỹ thuật cáp viễn thông và công trình hạ tầng đi cáp viễn thông; dùng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông; điều kiện thi công, cấp phép thi công, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông; sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa và xử lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Quy định này không áp dụng đối với các tuyến cáp quang, cáp đồng thả biển hoặc đi ven thêm lục địa.	chức năng và cụm công nghiệp; lập kế hoạch, lắp đặt, thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Nội dung kế thừa Quyết định 31/2017/QĐ-UBND, không còn bó hẹp như Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND, rõ ràng và bao quát hơn. Thêm: nội dung về quy trình, thủ tục lắp đặt mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng và cụm công nghiệp. Cụ thể hóa: yêu cầu sử dụng chung cột treo cáp thay vì dùng chung hạ tầng đi cáp viễn thông. Lược bỏ: quy định về cấp phép thi công, điều kiện thi công.
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 2. Quy định này áp dụng đối với	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan việc	Nội dung kế thừa Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND

a) Các Sở, Ban, Ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là các cơ quan) để thực hiện công tác quản lý đảm bảo trật tự, an toàn và cảnh quan môi trường. b) Các chủ đầu tư, chủ quản lý, xây dựng công trình mạng cáp (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) để thực hiện ngầm hóa mạng cáp treo và xây dựng mới mạng cáp treo trên địa bàn tỉnh Hà Nam 3. Quy định này không áp dụng trong các trường hợp khẩn cấp, đảm bảo an toàn thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và các trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, phê duyệt quy hoạch và đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.	tham gia lập kế hoạch, đầu tư, lắp đặt, quản lý, khai thác, sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Quy định này không áp dụng đối với cáp treo trong trường hợp khẩn cấp để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và các trường hợp khẩn cấp khác liên quan đến an ninh, quốc phòng.	và Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND, được rà soát, chỉnh sửa, diễn đạt rõ ràng, phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay.
- <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. <i>Cáp viễn thông</i> là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (<i>cáp truyền hình</i>) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông. 2. <i>Cáp treo</i> là cáp viễn thông để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác. 3. <i>Cáp thuê bao</i> là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, hố cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao. Cáp thuê bao còn gọi là cáp vào nhà thuê bao hay dây thuê bao.	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Cáp viễn thông: Là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (<i>cáp truyền hình</i>) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ. 2. Cáp treo: Là cáp viễn thông để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác. 3. Cáp thuê bao: Là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, tủ cáp, hố cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao.	Nội dung kế thừa Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND: Sửa “thuộc quyền quản lý chuyên ngành” từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Bộ Khoa học và Công nghệ. Giữ nguyên các định nghĩa cũ, bổ sung

4. <i>Đường hầm</i> là một kết cấu có dạng và kích thước khác nhau, đủ lớn và được đặt dưới mặt đất, dùng để lắp đặt các công trình ngoại vi viễn thông và cả trang thiết bị của nhiều ngành khác (điện lực, cấp thoát nước), nhân viên có thể đi lại trong đường hầm để lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các trang thiết bị được lắp đặt. 5. <i>Cột treo cáp</i> là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông. 6. <i>Hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông</i> bao gồm cột treo cáp và hạ tầng kỹ thuật ngầm. 7. <i>Hạ tầng kỹ thuật ngầm</i> là công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm dưới mặt đất để lắp đặt cáp (bao gồm cống cáp, bể cáp, hào và tuynel kỹ thuật).	4. <i>Cáp ngầm</i>: Là cáp viễn thông được chế tạo để chôn trực tiếp trong đất hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm. 5. <i>Cáp phối</i>: Là cáp viễn thông nối giữa các tủ cáp hoặc cáp nối từ tủ cáp tới các hộp cáp. Cáp phối còn gọi là cáp ngọn hay cáp thứ cấp. 6. <i>Cáp chính</i>: Là đoạn cáp viễn thông từ giá đầu dây (MDF/DDF) tới tủ cáp, hộp cáp, măng sông rẽ nhánh đầu tiên. Cáp chính còn gọi là cáp gốc, cáp sơ cấp. 7. <i>Cơ sở hạ tầng viễn thông</i>: Là tập hợp các thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, mạng viễn thông và các công trình viễn thông. 8. <i>Công trình cáp viễn thông</i>: Là các công trình sử dụng cáp viễn thông (<i>cáp đồng, cáp quang,...</i>) đi treo, đi ngầm (<i>chôn trực tiếp hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm</i>). 9. <i>Hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông</i>: Bao gồm cột treo cáp và hạ tầng kỹ thuật ngầm. 10. <i>Hạ tầng kỹ thuật ngầm (bao gồm cống cáp, bể cáp, hào và tuynel kỹ thuật,...)</i>: Là công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm dưới mặt đất để lắp đặt cáp. 11. <i>Măng sông cáp</i>: Là phụ kiện dùng để nối liền cáp, bảo đảm kín nước. Măng sông cáp có nhiều hình dạng khác nhau, có hai hoặc nhiều đầu nối. 12. <i>Tủ cáp</i>: Một kết cấu dạng khung hộp bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước mưa, là nơi kết nối giữa cáp chính và cáp phối. 13. <i>Hộp cáp</i>: Một kết cấu dạng hộp, nhỏ bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước	thêm một số định nghĩa: “cáp ngầm, cáp phối, cáp chính, thiết bị phụ trợ (tủ cáp, hộp cáp, măng sông cáp)”. Thêm các khái niệm về “cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình sử dụng chung, đơn vị quản lý và chủ sở hữu cáp, khu chức năng” để làm rõ trách nhiệm và phạm vi quản lý.
---	---	--

	mưa, trong đó có các phiến nối dây, dùng để nối cáp phối với cáp thuê bao. 14. Cột treo cáp: Là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông. 15. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: Là các công trình xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp; cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; đường hầm bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt. 16. Đơn vị quản lý cột treo cáp (đơn vị quản lý cột) là đơn vị được giao quản lý, khai thác hệ thống cột phục vụ lắp đặt đường dây, cáp viễn thông. 17. Đơn vị sở hữu cáp viễn thông (đơn vị sở hữu cáp) là tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hệ thống cột treo cáp. 18. Khu chức năng là một khu vực tại đô thị, nông thôn gồm khu kinh tế, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu văn hóa, khu phức hợp y tế, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các khu vực phát triển theo chức năng khác được định hướng tại quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.	
--	---	--

- Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND: Điều 2. Nguyên tắc chung 1. Các doanh nghiệp chỉ được xây dựng mới mạng cáp ngầm và phải thực hiện ngầm hóa mạng cáp treo ở các khu vực nêu tại Khoản 1 Điều 1 của Quy định này. 2. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân đủ năng lực tham gia xã hội hóa việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi ngầm; các doanh nghiệp tăng cường phối hợp dùng chung mạng cáp. - Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND: Điều 4. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông 1. Việc lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan; đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị. 2. Khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông. 3. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đồng bộ với các công trình khác; mạng cáp viễn thông phải được ngầm hóa 100% tại các tuyến đường xây dựng mới trong khu đô thị, khu dân cư. 4. Bất kỳ một bộ phận nào của công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc ngưng sử dụng phải được tháo dỡ và thu hồi; cáp viễn thông phải được sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa. 5. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.	Điều 4. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông 1. Việc lập kế hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Ninh Bình, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình, đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị. 2. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc dùng chung cáp viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông. 3. Khuyến khích các nhà khai thác dịch vụ dùng chung cáp viễn thông. Từng bước xây dựng lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị. 4. Khi phát triển mạng lưới viễn thông tại các tuyến đường mới trong khu đô thị, khu dân cư mới phải thực hiện xây dựng ngầm 100% mạng cáp viễn thông, tuân thủ nguyên tắc an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị. 5. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.	Nội dung kế thừa Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND về: sự phù hợp quy hoạch, bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị; duy trì yêu cầu ngầm hóa 100% tại các tuyến đường xây dựng mới và quy định về dấu hiệu nhận biết theo TTLT 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT. Bổ sung lộ trình ngầm hóa tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử. Nhấn mạnh ưu tiên dùng chung và phát triển hạ tầng kỹ thuật đi ngầm. Loại bỏ chi tiết về xử lý vi phạm hành chính và ưu đãi đầu tư.
--	--	---

6. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông được hỗ trợ ưu đãi, đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. 7. Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.		
Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp treo <i>- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Ngoài những quy định bắt buộc tại Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT), công trình cáp treo phải đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Không trồng cột mới đối với các tuyến đường đã có cột treo cáp, trừ trường hợp cột treo cáp trên các tuyến đường đó không có khả năng đề treo thêm cáp. Trên mỗi cột treo cáp, mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) không treo nhiều hơn 01 (một) tủ/hộp cáp và không được quấn cáp xung quanh thân cột. 2. Cáp dự phòng có chiều dài tối đa không quá 10 (mười) mét, được quấn thành đường tròn (đường kính nhỏ hơn 0,6 mét) đưa vào mặt sau của cột và được cố định chắc chắn vào thân cột, điểm thấp nhất của vòng tròn cáp dự phòng cách mặt đất tối thiểu là 03 (ba) mét. Khoảng cách giữa 2 (hai) vòng tròn cáp dự phòng của một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) gần nhau tối thiểu 200 (hai trăm) mét. 3. Cáp viễn thông phải gắn thẻ nhận biết theo Phụ lục I của Quy định này. 4. Khi treo thêm cáp viễn thông trên các tuyến đường đã được sắp xếp, chỉnh trang phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của tuyến cáp treo và phải bó vào tuyến cáp đã được sắp xếp.	Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp treo 1. Cáp viễn thông phải đáp ứng các quy định tại Mục 2.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT). 2. Cáp viễn thông không được treo trong các trường hợp sau: a) Trên các tuyến đường, phố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quy hoạch ngầm hóa hoặc có thông báo của cơ quan nhà nước; b) Khi dung lượng cáp viễn thông hiện có của chủ sở hữu trên các tuyến đường vẫn còn đáp ứng khả năng phát triển dịch vụ hoặc nhu cầu sử dụng. Tổng số lượng cáp của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức treo trên một tuyến vượt quá 05 sợi cáp; c) Khi vượt đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70 m và các đường trọng điểm theo quy định của tỉnh Ninh Bình; d) Khi chưa có thỏa thuận dùng chung với đơn vị quản lý cột treo cáp;	Nội dung kế thừa Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND. Cập nhật Quy chuẩn từ QCVN 33:2011/BTTTT thành QCVN 33:2019/BTTTT. Nội dung mới tập trung vào việc không được treo cáp trong các trường hợp, làm rõ khu vực, số lượng, khoảng cách và loại cột; bỏ chi tiết báo cáo bản vẽ, gắn thẻ nhận biết, tham chiếu từ Thông tư Bộ Giao thông vận tải, đơn giản hóa nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

5. Trước khi treo thêm cáp viễn thông (trừ cáp thuê bao) trên hệ thống cột đã có thì tổ chức, cá nhân phải báo cáo bằng văn bản và gửi kèm bản vẽ thiết kế tuyến cáp đó Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sở hữu cột treo cáp. 6. Cáp viễn thông treo trên cột điện của ngành điện không vượt quá kết cấu chịu lực của cột điện, phải bảo đảm an toàn của ngành điện và các ngành liên quan. 6. Cáp vượt qua đường bộ, qua cầu, cáp đi song song với công trình đường bộ phải tuân thủ phạm vi bảo vệ trên không và khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Cáp qua sông phải đảm bảo tĩnh không theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa; trên sọi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất phải treo biển báo độ cao. - <i>Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND:</i> 1. Cáp treo, cột treo cáp, tuyến cáp treo phải tuân thủ quy định kỹ thuật tại các tiết 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 2. Khi treo thêm cáp viễn thông trên các tuyến đường đã được sắp xếp, chỉnh trang phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của tuyến cáp treo và phải bó vào tuyến cáp đã được sắp xếp. 3. Trước khi lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông (<i>trừ cáp thuê bao</i>), các tổ chức, cá nhân phải báo cáo bằng văn bản và gửi kèm bản vẽ thiết kế tuyến cáp viễn thông đến Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện tuyến cáp đi qua để theo dõi, quản lý. 4. Cáp viễn thông phải gắn thẻ nhận biết theo Phụ lục I của Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND.	đ) Các đoạn hoặc tuyến đường có khoảng cách giữa các cột treo cáp lớn hơn 70 m; e) Không được treo cáp tại các tuyến khu dân cư mới, khu đô thị mới.	
--	--	--

5. Cáp vượt qua đường bộ, qua cầu, cáp đi song song với công trình đường bộ phải tuân thủ phạm vi bảo vệ trên không và khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Cáp qua sông phải đảm bảo tĩnh không theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa. Điều 5. Điều kiện sử dụng cáp treo - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> 1. Các trường hợp được sử dụng cáp treo a) Khu vực không còn khả năng đi cáp ngầm trong các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm tại khu vực đô thị. b) Khu vực các tuyến đường liên thôn, liên xã tại khu vực nông thôn; khu vực vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. c) Khu vực địa chất không phù hợp để đi cáp ngầm. d) Khu vực chưa có quy hoạch đô thị chưa có khu dân cư, chưa có đường giao thông. e) Khu vực dọc các tuyến đường chưa có quy hoạch ổn định, chưa xác định được các mốc lộ giới của đường bộ. g) Khu vực dùng để cung cấp dịch vụ tạm thời. 2. Các trường hợp không được sử dụng cáp treo a) Tổng số cáp của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh trên một tuyến không được vượt quá 5 cáp.		
--	--	--

b) Cáp vượt qua đường cao tốc, đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70m và các tuyến đường trọng điểm theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (nếu có). - <i>Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND:</i> Áp dụng theo quy định tại tiết 2.1.1 Khoản 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.		
Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong bể, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> 1. Cáp trong cống bể, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải tuân thủ các quy định kỹ thuật tại các điểm 2.2, 2.3, 2.4 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT; cáp phải gắn thẻ nhận biết theo quy định tại Phụ lục I của Quy định này. 2. Cáp đi ngầm qua đường bộ, qua sông phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa. - <i>Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND:</i> 1. Cáp viễn thông trong cống bể, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải được lắp đặt tuân thủ yêu cầu kỹ thuật quy định tại các Điểm 2.2, 2.3, 2.4 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 2. Không đi cáp viễn thông ngầm trong lòng mương, cống thoát nước. Trong quá trình thi công không làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng và cây xanh hiện có.	Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong bể, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm 1. Cáp viễn thông đi trong cống bể: Khi lắp đặt phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 2. Cáp viễn thông chôn trực tiếp: Khi lắp đặt phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.3 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 3. Cáp viễn thông đi trong đường hầm: Khi lắp đặt phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.4 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 4. Không được lắp đặt cáp viễn thông ngầm trong lòng mương, cống thoát nước. Trong quá trình thi công không được làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh hiện có.	Nội dung tương tự theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND: Cập nhật từ Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT thành QCVN 33:2019/BTTTT. Tách tổ từng loại cáp tuân thủ yêu cầu theo từng mục tương ứng của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

3. Cáp đi ngầm qua đường bộ, qua sông phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.		
	Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp qua sông Cáp viễn thông khi vượt qua sông, hồ, lắp đặt trên cầu, treo qua sông hoặc thả xuống sông phải tuân thủ các quy định tại Mục 2.5 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.	Nội dung mới: Cập nhật theo QCVN 33:2019/BTTTT. - Phạm vi áp dụng bao gồm: vượt sông, hồ, lắp trên cầu, treo hay thả xuống sông.
Điều 9. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> 1. Tuân thủ quy định tại điểm 2.6 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT. 2. Cáp thuê bao phải kéo thẳng, bó gọn và không để dự phòng trên cột. Độ dài cáp thuê bao không quá 300 (ba trăm) mét (tại khu vực các phường của thành phố Ninh Bình, các trung tâm huyện, thị trấn), các khu vực còn lại có thể dài hơn 300 (ba trăm) mét, nhưng phải đảm bảo độ suy hao tín hiệu trên đường dây trong phạm vi cho phép của doanh nghiệp. 3. Mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) được phép đi không quá 05 (năm) cáp thuê bao riêng lẻ trên cùng một tuyến, nếu vượt quá 05 (năm) cáp thuê bao riêng lẻ trên	Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao 1. Cáp thuê bao được lắp đặt theo một trong hai phương thức treo nổi hoặc đi ngầm phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.6 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 2. Cáp thuê bao nổi phải đi vào khuyên, gông (đối với tuyến đường, phố đã có khuyên, gông luôn cáp trên hệ thống cột điện lực), phải được kéo thẳng và bó gọn với độ cao như cáp chính. Độ dài cáp thuê bao không vượt quá 200m tại địa bàn phường và không quá 500m tại địa bàn xã. 3. Mỗi đơn vị sở hữu cáp không được lắp đặt quá 05 sợi cáp thuê bao trên cùng một tuyến;	Nội dung: cập nhật theo QCVN 33:2019/BTTTT. Bổ sung yêu cầu kỹ thuật: cáp nổi đi vào khuyên, gông, đảm bảo độ cao như cáp chính. Độ dài cáp thuê bao: giữ nguyên theo quy định của Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND.

cùng một tuyến phải thay các sợi cáp thuê bao này bằng sợi cáp có dung lượng lớn hơn (nhiều đôi). - <i>Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND:</i> 1. Tuân thủ quy định tại điểm 2.6 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 2. Cáp thuê bao phải kéo thẳng, bó gọn với độ cao như cáp chính. Độ dài cáp thuê bao không quá 200m ở địa bàn phường, thị trấn; không quá 500m ở địa bàn các xã. 3. Trên cùng một tuyến, mỗi doanh nghiệp đi không quá 05 cáp thuê bao, trường hợp nhiều hơn 05 cáp thuê bao phải thay bằng cáp có dung lượng lớn hơn.	trường hợp nhiều hơn 05 sợi cáp thuê bao phải thay các sợi cáp này bằng cáp có dung lượng lớn hơn.	Giới hạn số lượng trên cùng một tuyến: tối đa 05 sợi; nếu vượt quá, thay bằng cáp dung lượng lớn hơn (theo QĐ 31/2017/QĐ-UBND và QĐ số 40/2021/QĐ-UBND).
Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT và phải đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu lắp trên cột phải bố trí ở mặt sau cột (nhìn từ đường vào) trừ những trường hợp bất khả kháng (cột sát tường rào, ven ao hồ), được cố định chắc chắn vào thân cột bằng đai chống rỉ; điểm thấp nhất của tủ/hộp cáp so với mặt đất không nhỏ hơn 2 (hai) mét. Không lắp bệ ghế kiểm tra tủ/hộp cáp. 2. Cáp vào, cáp ra tại vị trí các tủ/hộp cáp đều phải được luồn trong ống nhựa, đi song song thân cột và phải cố định chắc chắn bằng đai chống rỉ vào thân cột. 3. Việc lắp đặt các thiết bị tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu trên công trình công cộng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tinh thẩm mỹ và được đồng ý của tổ chức, cá nhân là chủ quản công trình đó.	Điều 9. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ cáp, hộp cáp và các thiết bị phụ trợ khác Tủ cáp, hộp cáp và các thiết bị phụ trợ khác phải được lắp đặt theo đúng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.7 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.	Nội dung: cập nhật từ Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT sang QCVN 33:2019/BTTTT. Các yêu cầu kỹ thuật phải đảm bảo đã được thể hiện trong Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

4. Không treo tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu, cáp dự phòng trên cột điện chiếu sáng, cây xanh, cột có lắp các thiết bị điện (<i>trạm biến áp, thiết bị đóng cắt, tủ bù</i>). - <i>Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND:</i> 1. Tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu phải được lắp đặt đúng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại tiết 2.7.1 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT. 2. Không treo tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu trên cột điện chiếu sáng, cây xanh, cột có lắp thiết bị điện (<i>trạm biến áp, thiết bị đóng cắt, tủ bù</i>).		
Điều 10. Nguyên tắc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để thực hiện việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo nguyên tắc đảm bảo công bằng, hợp lý về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên tham gia; sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông. Việc tham gia sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đảm bảo các nguyên tắc sau: 1. Phải được sự thỏa thuận bằng văn bản của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hoặc hợp đồng thuê (nếu có) của hai bên. 2. Việc lắp đặt thêm các đường dây cáp, thiết bị vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có. 3. Trong các trường hợp cụ thể nhằm bảo đảm an toàn giao thông, đảm bảo mỹ quan đô thị, quy hoạch đô thị và một số trường hợp khác thì UBND tỉnh sẽ quyết định việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.	Điều 10. Yêu cầu về sử dụng chung cột treo cáp viễn thông 1. Việc quản lý, đầu tư xây dựng công trình cột treo cáp phải tuân thủ theo quy định của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT và các quy định liên quan. Đơn vị quản lý cột treo cáp chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì, vận hành công trình cột treo cáp đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị. 2. Khi lắp đặt thêm các tuyến cáp đi nổi hoặc thiết bị phụ trợ vào cột treo cáp phải đảm bảo an toàn vận hành, hoạt động bình thường của hệ thống đã có và phải được đơn vị quản lý cột treo cáp chấp thuận bằng văn bản. Đơn vị quản lý cột treo cáp có trách nhiệm tạo điều kiện, cho phép các đơn vị sở hữu cáp viễn thông sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp tại các khu vực không đủ mặt bằng hạ ngầm hoặc chưa tổ chức hạ ngầm và có văn bản phúc đáp trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được ăn bản đề nghị của đơn vị sở hữu cáp viễn thông. Khi sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp, các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải cung cấp số điện thoại liên	Nội dung: tập trung cụ thể, chi tiết hóa việc sử dụng chung cột treo cáp (thay hạ tầng kỹ thuật đi cáp của Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND), phân công trách nhiệm rõ ràng, tăng cường an toàn, mỹ quan đô thị.

4. Giá thuê sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông (đối với công trình đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước) do các bên tự thỏa thuận trên cơ sở quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn có chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá liên quan.	lạc cho đơn vị quản lý cột treo cáp để phối hợp khắc phục các sự cố và xử lý tình huống khẩn cấp. 3. Khi sử dụng các cột treo cáp hiện có để lắp đặt và khai thác phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp giữa đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu cáp viễn thông. Trường hợp hệ thống cột treo cáp không còn khả năng treo thêm, đơn vị quản lý cột treo cáp phối hợp đơn vị sở hữu cáp viễn thông xây dựng phương án thay thế phù hợp (chỉ xây dựng tuyến cột mới khi cột cũ không đảm bảo an toàn khai thác và phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền).	
	Điều 11. Quy định về lắp đặt mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng và cụm công nghiệp 1. Việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt mạng cáp viễn thông tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Viễn thông ngày 24/11/2023, Quy chuẩn QCVN 07-8:2023/BXD ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng và các quy định liên quan. 2. Hệ thống mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp khi thiết kế, lắp đặt phải đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ cho ít nhất 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông hoặc nhu cầu của người sử dụng. Đảm bảo người sử dụng dịch vụ được tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, thúc đẩy cạnh	Nội dung mới: đảm bảo việc lắp đặt mạng cáp viễn thông trong khu dân cư và các công trình được thực hiện đúng quy chuẩn, đồng bộ và an toàn, tạo hạ tầng cho nhiều doanh nghiệp cùng cung cấp dịch vụ, tăng cạnh tranh, bảo vệ quyền lựa chọn người dùng và thuận tiện quản lý, bảo trì, nâng cấp.

	tranh trong việc thiết lập và cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, mỹ quan, thuận tiện cho công tác quản lý, lắp đặt, bảo trì và nâng cấp hệ thống trong tương lai. 3. Chủ đầu tư xây dựng các khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp có trách nhiệm thiết kế, lắp đặt cáp viễn thông bên trong công trình; đồng thời bố trí mặt bằng để các tổ chức, cá nhân có đủ chức năng lắp đặt mạng cáp viễn thông. Việc đầu tư mạng cáp viễn thông lắp đặt trong các khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp phải phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Hệ thống mạng cáp viễn thông trong tòa nhà sử dụng công nghệ mạng cáp quang, đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản (điện thoại cố định, internet, truyền hình cáp) trên cùng một đường cáp. Hệ thống mạng cáp quang lắp đặt trong tòa nhà phải đảm bảo các quy định sau: a) Hệ thống cáp quang lắp đặt trong tòa nhà phải đáp ứng các điều kiện kỹ thuật để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông tại tòa nhà có khả năng đấu nối tại tủ phân cáp hoặc giá đấu dây của tòa nhà. Mỗi căn hộ trong tòa nhà phải được trang bị sẵn một sợi quang từ hộp đấu dây tới căn hộ; b) Hệ thống cáp, dây thuê bao trong tòa nhà phải được quy hoạch dán nhãn, đánh số để đảm bảo tính chính xác, dễ dàng khi thi công và cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong tòa nhà.	
--	---	--

	Điều 12. Quy định về giá thuê sử dụng mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà, chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp. Giá thuê sử dụng mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà, chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp được xác định theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT ngày 02/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông và các văn bản có liên quan. Trường hợp có quy định thay thế thì áp dụng theo quy định mới.	Nội dung mới: căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BTTTT để xác định giá thuê; nhằm minh bạch hóa cơ chế định giá, tạo cơ sở pháp lý cho việc thỏa thuận thuê hạ tầng cáp viễn thông giữa các bên.
	Điều 13. Xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông 1. Các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông định kỳ hàng quý. Khi lắp đặt cáp viễn thông phải gửi kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông cho Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý, theo dõi. 2. Thời gian gửi kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông trước ngày 15 của tháng liên kế trước quý. 3. Nội dung kế hoạch bao gồm: tên tuyến cáp; loại cáp; điểm đầu; điểm cuối; số lượng tủ, hộp cáp; khả năng sử dụng chung hạ tầng và dự kiến thời gian triển khai lắp đặt. 4. Trước khi lắp đặt cáp viễn thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm gửi thông báo	Nội dung mới: yêu cầu các doanh nghiệp lập kế hoạch lắp đặt hàng quý, thời hạn gửi, nội dung kế hoạch và thông báo trước khi lắp đặt, tăng cường công tác theo dõi và quản lý lắp đặt cáp viễn thông.

	trước ít nhất 07 (bảy) ngày kèm theo bản vẽ tuyến cáp viễn thông đến sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có tuyến cáp đi qua để theo dõi và quản lý.	
	Điều 14. Kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông 1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc lắp đặt cáp viễn thông trên các quốc lộ, tỉnh lộ và các tuyến phố chính trên địa bàn tỉnh. 2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm kiểm tra việc lắp đặt cáp viễn thông tại các khu vực còn lại thuộc phạm vi quản lý của mình.	Nội dung mới: quy định rõ trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã phường trong việc kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông.
- Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND: Điều 3. Ngầm hóa mạng cáp treo 1. Các doanh nghiệp phải thực hiện ngầm hóa mạng cáp treo theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh. 2. Lộ trình ngầm hóa mạng cáp treo: a) Đến năm 2018: Ngầm hóa 100% các tuyến đường, tuyến phố chính, khu vực trung tâm các huyện, thành phố, Quốc lộ 1A. b) Đến năm 2020: Ngầm hóa 100% các tuyến đường, tuyến phố thuộc phường, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Điều 4. Cải tạo, chỉnh trang mạng cáp treo 1. Đối với mạng cáp treo hiện có chưa thể ngầm hóa được, các doanh nghiệp phải chủ động cải tạo, sắp xếp lại để đảm bảo tuyến cáp vững chắc, an toàn và cảnh quan đô thị; chủ động tháo bỏ những tuyến cáp không còn khai thác sử dụng; đồng thời xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm lộ trình ngầm hóa mạng cáp treo theo quy định tại Điều 3 Quy định này. 2. Các doanh nghiệp khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang mạng cáp treo phải đảm bảo các yêu cầu sau:	Điều 15. Thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông 1. Việc thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông phải tuân thủ quy định tại Mục 2.8 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT, các quy định pháp luật hiện hành và Kế hoạch chỉnh trang mạng cáp viễn thông do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo từng thời kỳ. 2. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm: a) Rà soát, thống kê cáp hiện có; thay thế nhiều cáp thuê bao bằng cáp có dung lượng lớn; b) Gia cố, chỉnh sửa, thay thế cột, tủ cáp, hộp cáp kém chất lượng hoặc không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, mỹ quan đô thị; c) Đi cáp vào khuôn, kéo căng, bó gọn cáp viễn thông; treo thẻ sở hữu cáp và thẻ báo độ cao cáp;	Nội dung kế thừa Quyết định cũ về: Yêu cầu kéo căng, buộc gọn cáp, bó gọn cáp; loại bỏ/thu hồi cáp, tủ/hộp cáp hỏng hoặc không dùng; gia cố, thay thế cột không đảm bảo; thực hiện ngầm hóa theo quy hoạch và Kế hoạch của UBND tỉnh. Bổ sung việc áp dụng theo QCVN 33:2019/BTTTT; yêu cầu thay nhiều cáp thuê bao bằng cáp có dung lượng lớn hơn;

a) Kéo căng, buộc gọn hệ thống dây cáp; b) Trên cáp treo phải có thẻ Chủ sở hữu, độ cao dây cáp; c) Loại bỏ và thu hồi: Dây cáp, măng sông, tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu đã hỏng hoặc không còn sử dụng; cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông, cáp treo cắt ngang qua các tuyến đường, tuyến phố. Điều 5. Chấp thuận sự phù hợp 1. Các doanh nghiệp khi thực hiện ngầm hóa mạng cáp treo phải được Sở Thông tin và Truyền thông chấp thuận sự phù hợp với quy hoạch mạng đã được phê duyệt trước khi trình các cơ quan có liên quan để xin cấp giấy phép xây dựng. Trường hợp không phù hợp với quy hoạch thì phải được chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh. 2. Hồ sơ xin chấp thuận phù hợp với quy hoạch mạng bao gồm: a) Quyết định phê duyệt kèm theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công ngầm hóa mạng cáp của chủ đầu tư; b) Tờ trình xin chấp thuận xây dựng mạng cáp ngầm; c) Các hồ sơ, văn bản liên quan (nếu có). 3. Thời gian xem xét, chấp thuận 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i>	d) Từng bước thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông. 3. Căn cứ theo Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, các đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã, phường nơi triển khai để phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện. 4. Thu hồi, thay thế cáp viễn thông và các thành phần liên quan công trình cáp viễn thông không đảm bảo.	yêu cầu cáp phải đi vào khuôn, treo thẻ sở hữu, thẻ báo độ cao; việc thu hồi, thay thế cáp và thành phần không đảm bảo. Quy định rõ việc thông báo UBND xã, phường để phối hợp giám sát. Bỏ: “việc chấp thuận sự phù hợp với quy hoạch” trước khi ngầm hóa (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông trước đây); lộ trình ngầm hóa theo năm 2018, 2020 tại Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND.
Điều 16. Sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông 1. Thực hiện theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. 2. Sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông phải đảm bảo các yêu cầu sau: a) Kéo căng, buộc gọn hệ thống dây cáp viễn thông; b) Loại bỏ và thu hồi cáp viễn thông, măng sông, tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu đã hư hoặc không còn sử dụng; c) Sắp xếp cáp dự phòng, măng sông, tủ/hộp cáp treo trên cột theo đúng quy định tại Quy định này; gia cố, thay thế cột không đảm	Điều 16. Triển khai hạ ngầm cáp viễn thông hiện có 1. Các đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm rà soát, xây dựng phương án hạ ngầm cáp viễn thông treo (bao gồm cả cáp thuê bao) và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt. 2. Trên cơ sở lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành hoặc đề xuất của các chủ sở hữu cáp, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở,	Nội dung kế thừa Quyết định cũ về việc ngầm hóa cáp theo quy hoạch, kế hoạch của UBND tỉnh. Bổ sung, cụ thể hóa: Trách nhiệm các đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu viễn thông; trách nhiệm phối hợp của Sở Khoa

bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.	ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường lựa chọn phương án ngầm hóa cáp viễn thông cho từng tuyến đường, đồng thời lấy ý kiến về xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm để ngầm hóa cáp viễn thông. 3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hạ tầng kỹ thuật ngầm hoàn thành, toàn bộ cáp viễn thông phải được ngầm hoá.	học và Công nghệ và UBND xã, phường; lấy ý kiến về xây dựng hạ tầng ngầm; thời hạn cụ thể để hoàn thành đưa cáp xuống ngầm sau khi hạ tầng ngầm xong.
	Điều 17. Quy định quản lý cáp viễn thông sau khi cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp 1. Đơn vị quản lý cột treo cáp trên các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông treo có trách nhiệm: a) Thường xuyên kiểm tra, rà soát các đơn vị treo cáp không đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông; b) Chủ động thông báo và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các đơn vị treo cáp vi phạm quy định này. 2. Đối với các trường hợp treo cáp viễn thông ngoài bó cáp hoặc ngoài vòng khuyên treo trên các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo và yêu cầu chủ sở hữu cáp viễn thông và các đơn vị liên quan cắt bỏ, tiêu hủy số cáp nói trên; chủ sở hữu cáp viễn thông phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu hồi cáp đã bị cắt bỏ và khắc phục hệ thống thông tin liên lạc của đơn vị mình.	Nội dung mới: Quy định rõ trách nhiệm của đơn vị quản lý cột treo cáp, cơ chế phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, biện pháp xử lý đối với cáp treo không đúng quy định, giúp tăng cường quản lý cáp viễn thông sau khi cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp.

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND: Điều 17. Xử lý cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông khi bị sự cố 1. Khi cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông và các thiết bị phụ trợ bị sự cố thì chủ sở hữu phải bố trí lực lượng có mặt kịp thời để xử lý nhằm bảo đảm an toàn giao thông và thông tin được thông suốt, đồng thời báo cho Sở Thông tin và Truyền thông biết để phối hợp xử lý. 2. Khi cột treo cáp viễn thông bị gãy hoặc bị nghiêng thì các đơn vị có cáp đi treo trên cột đó phải có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cột để gia cố, chỉnh sửa hoặc trồng cột mới (nếu cột bị gãy). 3. Các đơn vị có cột treo cáp và các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp phải cung cấp các số điện thoại để thông tin, liên lạc. Khi có sự cố hoặc có tình huống khẩn cấp, trong thời gian 02 (hai) giờ, các bên phải phối hợp khắc phục ngay.	Điều 18. Xử lý cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông khi bị sự cố 1. Khi xảy ra sự cố cáp viễn thông bị đứt hoặc tu cáp, hộp cáp, cống, bể, cột bị hư hỏng..., chủ sở hữu công trình cáp viễn thông phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và đảm bảo thông tin liên lạc. 2. Khi cáp viễn thông đi treo qua đường bị đứt, gãy cột, đơn vị sở hữu cáp, cột có trách nhiệm trồng cột mới (nếu cột bị gãy) hoặc kéo dây gia cường để treo tạm không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ khi xảy ra sự cố, chủ sở hữu cáp phối hợp với đơn vị quản lý cột có phương án và triển khai chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông. 3. Đối với các trường hợp di dời công trình dùng chung cáp viễn thông (cột, cống, bể) chủ sở hữu công trình dùng chung cáp viễn thông có trách nhiệm thông báo đến các đơn vị có sử dụng chung trước thời gian di dời ít nhất 07 (bảy) ngày. Nếu đơn vị sử dụng chung không phối hợp di dời đồng bộ, chủ sở hữu công trình dùng chung có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý cáp viễn thông bảo đảm tiến độ, an toàn. 4. Các đơn vị quản lý cột treo cáp và các đơn vị sử dụng cột treo cáp phải thiết lập đường dây liên lạc (danh sách cán bộ phụ trách, số điện thoại liên lạc) và báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ. Khi xảy ra sự cố hoặc tình huống khẩn cấp, các bên phải phối hợp khắc	Nội dung kế thừa Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND: Chủ sở hữu cáp có mặt kịp thời khi sự cố để đảm bảo an toàn giao thông và thông tin; duy trì đường dây liên lạc giữa các bên. Cụ thể hóa: xử lý cáp treo qua đường bằng dây kéo tạm, trồng cột mới, chỉnh trang trong 02 ngày; xử lý công trình dùng chung cáp viễn thông báo trước 07 ngày; báo cáo thông tin về Sở Khoa học và Công nghệ. Bỏ: Thời gian xử lý sự cố trong 02 giờ.
--	---	---

	phục, bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường.	
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan 1. Sở Thông tin và truyền thông a) Chấp thuận sự phù hợp quy hoạch mạng, quy hoạch phát triển ngành, kiểm tra, giám sát việc xây dựng mạng cáp của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. b. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc các doanh nghiệp xây dựng, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp thuộc địa bàn quản lý. c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường hợp tác, dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống cống, bể để ngầm hóa mạng cáp trên nguyên tắc đảm bảo cùng có lợi. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 18. Sở Khoa học và Công nghệ 1. Xác nhận sự phù hợp quy hoạch mạng, quy hoạch phát triển ngành, kiểm tra, giám sát việc xây dựng mạng cáp của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. 2. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và danh mục các tuyến đường cần phải sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông; chủ trì thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông. 3. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng trong việc tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng sử dụng chung đi cáp viễn thông.	Điều 19. Sở Khoa học và Công nghệ 1. Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông; đồng thời chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông. 3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định này nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định này. 4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông không đúng quy định, bị hỏng, không còn sử dụng. 5. Xác nhận thông báo kế hoạch gửi Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị quản lý cột để quản lý, theo dõi việc triển khai của các doanh nghiệp viễn thông.	Chuyển nhiệm vụ từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Sở Khoa học và Công nghệ. Về cơ bản là kế thừa nội dung các Quyết định cũ Thay đổi cấp quản lý từ UBND huyện, thành phố sang UBND xã, phường để phù hợp với tình hình quản lý thực tế và phân cấp mới. Thêm nội dung: kiểm tra, giám sát tháo dỡ, thu hồi cáp không đúng quy định hoặc hỏng, không còn sử dụng; xác nhận thông báo gửi UBND xã, phường và đơn vị quản lý cột để theo dõi việc triển khai của doanh nghiệp Bỏ nội dung: hiệp thương giá thuê hạ tầng (giao sở Tài chính chủ trì); chỉ đạo

4. Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường hợp tác, dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt hệ thống công, bể để ngâm hóa mạng cáp treo trên nguyên tắc đảm phán cùng có lợi. 5. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia xã hội hóa việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để sử dụng chung theo quy định của pháp luật. 6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử phạt các hành vi vi phạm trong đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác công trình mạng cáp và hạ tầng kỹ thuật mạng cáp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.		kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng cáp.
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan 2. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban quản lý khu đại học Nam Cao, Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc cấp phép xây dựng, sửa chữa mạng cáp theo quy định. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 19. Sở Giao thông vận tải 1. Trước khi triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông nằm trong phạm vi đất đánh cho đường bộ biết, phối hợp di dời. 2. Khi quy hoạch xây dựng các công trình giao thông phải kèm theo việc quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông như đường ống, bể cáp, hào, hầm, tuynel kỹ thuật, cột treo cáp. 3. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với việc đầu tư, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Điều 20. Sở Xây dựng	Điều 20. Sở Xây dựng 1. Quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu thương mại đảm bảo các yêu cầu quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo quy định. Khi quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại, khu dân cư phải kèm theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông, bao gồm: công, bể, hầm, hào, tuynel kỹ thuật, cột treo cáp. 2. Quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trong đó có cáp viễn thông. Tổ chức quản lý, duy trì hệ thống cột chiếu sáng theo phân cấp và các quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành và lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc lắp đặt cáp viễn thông treo nổi trên cột đèn chiếu sáng hoặc lắp dựng mới cột không đảm bảo an toàn giao thông, cảnh quan đô thị. 3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đối chiếu với quy hoạch phát	Nội dung dự thảo mở rộng và cụ thể hóa nhiệm vụ Sở Xây dựng so với Quyết định cũ Kế thừa các nội dung: Quản lý quy hoạch, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, ...; khi quy hoạch xây dựng phải kèm hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông. Thêm: quản lý và duy trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, phối hợp rà soát, sắp xếp, chỉnh trang, ngâm hóa cáp viễn thông.

1. Hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thu động vào các đồ án quy hoạch xây dựng tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế. 2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.	triển giao thông đường bộ trên các tuyến đường do Sở quản lý trên địa bàn tỉnh; đồng thời phối hợp triển khai sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông hiện có, tạo điều kiện tốt nhất để kịp thời ngầm hóa các đoạn cáp viễn thông gây mất an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.	
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan 2. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban quản lý khu đại học Nam Cao, Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc cấp phép xây dựng, sửa chữa mạng cáp theo quy định. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 21. Sở Công thương Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo Công ty TNHH MTV điện lực Ninh Bình tăng cường quản lý các tuyến cột và sắp xếp, chỉnh trang lại các đường dây điện, cáp viễn thông hiện có treo trên hệ thống cột điện, bảo đảm đúng Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan của Nhà nước.	Điều 21. Sở Công Thương 1. Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình tăng cường quản lý các tuyến cột và sắp xếp, chỉnh trang lại các đường dây điện, cáp viễn thông hiện có treo trên hệ thống cột điện, bảo đảm đúng Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan của Nhà nước 2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giám sát, quản lý chặt chẽ các dự án viễn thông có sử dụng chung cột treo cáp, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của ngành điện. 3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm đối với hạ tầng cáp viễn thông và hành lang an toàn lưới điện trên địa bàn tỉnh.	Nội dung: quy định chi tiết hơn về trách nhiệm Sở Công thương; bổ sung việc giám sát, quản lý các dự án viễn thông, xử lý vi phạm theo quy định.
- <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 22. Sở Tài chính Chủ trì, phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và những nội dung liên quan quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC- BXD-BTTTT ngày	Điều 22. Sở Tài chính 1. Chủ trì, phối hợp với các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và những nội dung liên quan quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-	Nội dung giữ nguyên nhiệm vụ Sở Tài chính trong việc chủ trì, phối hợp hiệp thương giá thuê hạ tầng kỹ thuật như Quyết định số

30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá khác liên quan.	BTC- BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá khác liên quan. 2. Hàng năm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho việc chỉnh trang cáp viễn thông, thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp viễn thông treo không sử dụng, treo không đúng quy định.	31/2017/QĐ-UBND, thay Sở Thông tin và Truyền thông bằng Sở Khoa học và Công nghệ cho đúng chức năng, nhiệm vụ. Bổ sung nhiệm vụ hàng năm phối hợp xây dựng dự toán kinh phí phục vụ chỉnh trang, thu hồi và quản lý cáp viễn thông treo không đúng quy định.
	Điều 23. Công an tỉnh 1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về lắp đặt, quản lý hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn. 2. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và Công an xã, phường phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý những sai phạm theo thẩm quyền; bảo đảm an toàn mạng cáp viễn thông; xử lý nghiêm các hành vi cản trở việc xây dựng hợp pháp, phá hoại, xâm phạm mạng cáp viễn thông.	Bổ sung trách nhiệm của Công an tỉnh để giám sát, xử lý vi phạm và bảo đảm an toàn mạng cáp viễn thông.
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc kiểm tra, giám sát trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.	Điều 24. Ủy ban nhân dân các xã, phường 1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành các quy định về cáp viễn thông trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.	Nội dung: trách nhiệm quản lý từ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sang Ủy ban nhân dân xã, phường để phù hợp với tình

b) Chỉ đạo giải quyết, kịp thời xử lý vi phạm đối với các trường hợp cố tình cản trở, gây rối, phá hoại việc xây dựng và khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật. c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý doanh nghiệp vi phạm các quy định về xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp treo thuộc địa bàn quản lý. 4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn a) Kiểm tra giấy phép xây dựng thuộc địa bàn quản lý; lập biên bản, xử lý vi phạm theo quy định đối với doanh nghiệp thi công không có giấy phép hoặc thi công không đúng nội dung của giấy phép đã được cấp; đối với những vi phạm vượt thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý. b) Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai thực hiện xây dựng mạng cáp ngầm; cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp treo thuộc địa bàn quản lý. c) Chỉ đạo giải quyết, kịp thời xử lý vi phạm đối với các trường hợp cố tình cản trở, gây rối, phá hoại việc xây dựng và khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 23. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố 1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo thẩm quyền. Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc kiểm tra, giám sát trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý. 2. Chỉ đạo giải quyết, kịp thời xử lý vi phạm đối với các trường hợp cố tình cản trở, gây rối, phá hoại việc xây dựng và khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật thụ động trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.	2. Phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang các tuyến cáp viễn thông hiện có trên hệ thống cột điện chiếu sáng đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật và tuân thủ Quy định này. 3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các tuyến đường thuộc quyền quản lý cần chỉnh trang hàng năm. 4. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng và sử dụng chung các công trình cột treo cáp. Yêu cầu các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông tháo dỡ cáp viễn thông tự treo và cử cán bộ phối hợp với các lực lượng chức năng, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai tháo dỡ cáp viễn thông trên địa bàn.	hình thực tế địa phương. Giữ nguyên nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm, sắp xếp và chỉnh trang cáp. Bổ sung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và hướng dẫn tháo dỡ cáp tự treo. Bổ yêu cầu báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về Sở, để giám trùng lập và phù hợp với thẩm quyền cấp xã.
--	---	---

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý doanh nghiệp vi phạm các quy định về xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp, mạng cáp treo thuộc địa bàn quản lý. 4. Định kỳ 06 tháng, một năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.		
	Điều 25. Chủ đầu tư và đơn vị quản lý tòa nhà 1. Chủ đầu tư khi lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tòa nhà bắt buộc phải đưa nội dung hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà vào thiết kế cơ sở của dự án. Đơn vị quản lý tòa nhà tiếp nhận và ban hành quy chế tổ chức, quản lý, sử dụng, bảo hành, bảo trì đối với hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà do đơn vị mình quản lý. Sau khi Ban Quản trị tòa nhà được thành lập, Chủ đầu tư bàn giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm về quy chế quản lý, sử dụng hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà. 2. Niêm yết giá thuê sử dụng mạng cáp viễn thông trong tòa nhà. Hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông lắp đặt, kết nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của tòa nhà hoặc lắp đặt thêm hệ thống mạng cáp viễn thông theo quy định. 3. Phối hợp cơ quan Công an, chính quyền địa phương tổ chức các biện pháp nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi có dấu hiệu xâm phạm, phá hoại hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà.	Nội dung mới: quy định chủ đầu tư và đơn vị quản lý tòa nhà chịu trách nhiệm thiết kế, ban hành quy chế, bàn giao quản lý, niêm yết giá thuê và phối hợp với doanh nghiệp viễn thông, cơ quan chức năng để đảm bảo an toàn hạ tầng.

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND: Điều 24. Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình 1. Quản lý chặt chẽ việc treo cáp viễn thông trên hệ thống cột điện. Có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông gồm các nội dung: Đơn vị thuê cột điện; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên hệ cột điện; điểm đầu – điểm cuối của tuyến cáp viễn thông; số và ngày ký hợp đồng thuê cột điện (nếu có). 2. Kiểm tra, tính toán khả năng chịu lực và trọng tải an toàn của cột điện trước khi tiến hành làm thủ tục cho treo cáp viễn thông. 3. Thực hiện kiểm tra các tuyến vật điện là tài sản của Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình để phát hiện các thông tin về tình trạng cáp viễn thông: Tình trạng hiện tại (độ võng, tính thẩm mỹ, bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho người dân xung quanh) của tuyến cáp treo trên cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh treo trên cột điện để báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông nếu có dấu hiệu vi phạm. 4. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, địa phương liên quan và các tổ chức, cá nhân sở hữu cáp viễn thông thực hiện việc sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa và xử lý các sự cố về cáp viễn thông.	Điều 26. Các đơn vị quản lý hệ thống cột để lắp đặt cáp viễn thông 1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị sở hữu cáp viễn thông xây dựng kế hoạch thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông trên địa bàn; 2. Quản lý, bảo trì hệ thống cột do đơn vị quản lý, có kế hoạch duy tu hệ thống cột, cải tạo và lắp đặt giá đỡ để đỡ các cáp viễn thông; tổ chức kiểm tra, thống kê các cột không đảm bảo an toàn và thông báo cho các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phối hợp xử lý, đồng thời có biện pháp di chuyển, bổ sung cột cho phù hợp và đảm bảo an toàn, thay thế cột cũ không đủ khả năng chịu lực, không đảm bảo mỹ quan. 3. Lập và quản lý hồ sơ các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông, gồm các nội dung: đơn vị thuê cột; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột; điểm đầu - điểm cuối của tuyến đường đã thỏa thuận; số và ngày ký hợp đồng thuê cột. 4. Kiểm tra, tính toán khả năng chịu lực và tải trọng an toàn của cột treo cáp trước khi tiến hành làm thủ tục cho phép, chấp thuận treo cáp. Quản lý chặt chẽ việc treo cáp trên hệ thống cột và chủ trì, phối hợp với các đơn vị sở hữu cáp viễn thông khắc phục và xử lý sự cố. 5. Khi phát hiện cáp viễn thông treo trên cột gây mất an toàn cho cộng đồng, ảnh hưởng mỹ quan đô thị hoặc mất an toàn cho hệ thống điện thì đơn vị quản lý cột treo cáp báo ngay cho đơn vị sở hữu cáp viễn thông biết để khẩn trương khắc	Nội dung: mở rộng phạm vi áp dụng cho tất cả các đơn vị quản lý cột, không chỉ riêng Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình. Bổ sung trách nhiệm phối hợp hàng năm lập kế hoạch, quản lý duy tu, bổ sung hoặc thay thế cột, đảm bảo an toàn và mỹ quan. Quy định chi tiết hơn về xử lý cáp viễn thông gây mất an toàn, khẩn cấp, lập biên bản, tháo dỡ. Giữ lại việc lập hồ sơ quản lý tuyến cột có cáp treo và rà soát, thống kê cáp phát sinh. Dự thảo chi tiết hơn về phối hợp với chính quyền địa phương, trách nhiệm xử lý cáp viễn thông không an toàn, đồng thời mở rộng và cụ thể hóa các biện pháp quản lý hệ thống cột.
---	---	---

	phục hoặc phối hợp với chính quyền địa phương xử lý kịp thời. Trường hợp khẩn cấp có nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng, đơn vị quản lý cột treo cáp báo cáo cơ quan chức năng ở địa phương lập biên bản và tổ chức tháo dỡ để đảm bảo an toàn, đơn vị quản lý cột treo cáp không chịu trách nhiệm đối với việc gián đoạn tín hiệu của cáp viễn thông. Sau đó mời các đơn vị sở hữu cáp viễn thông để giải quyết các vấn đề có liên quan. 6. Thực hiện thỏa thuận việc sử dụng cột đối với các đơn vị quản lý cáp viễn thông đi treo trên cột theo đúng hợp đồng đã ký kết. Định kỳ kiểm tra các tuyến cáp viễn thông treo trên cột nhằm cập nhật thông tin tình trạng của cáp viễn thông, số lượng cáp viễn thông phát sinh mới của đơn vị sở hữu cáp viễn thông có ký hợp đồng, đồng thời rà soát, thống kê số lượng cáp viễn thông phát sinh mà không xác định được chủ sở hữu để kịp thời xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định việc tháo dỡ theo quy định.	
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 8. Trách nhiệm của các doanh nghiệp 1. Căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp đã được phê duyệt, hằng năm, doanh nghiệp lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật mạng cáp thuộc địa bàn tỉnh Hà Nam gửi Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn thực hiện. 2. Tăng cường liên hệ, hợp tác với các doanh nghiệp khác để sử dụng chung hệ thống cống, bể; thực hiện nâng cấp mạng cáp treo trên nguyên tắc đàm phán hai bên cùng có lợi.	Điều 27. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông hoặc hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông 1. Phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông; thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp treo không sử dụng, cáp treo không đúng quy định. Trước khi triển khai, đơn vị gửi kế hoạch cho Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định.	Nội dung kế thừa của Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND: quy định trách nhiệm của đơn vị sở hữu cáp trong việc sắp xếp, chỉnh trang và nâng cấp; yêu cầu phối

3. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về Sở Thông tin và Truyền thông kết quả thực hiện Quy định này. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i> Điều 25. Các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông 1. Đầu tư, xây dựng, sử dụng chung hệ thống cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, nếu tuyến, hướng của hệ thống cáp viễn thông giống nhau. 2. Phối hợp xây dựng kế hoạch, lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông. 3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông theo kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. 4. Bố trí nhân lực, phương tiện, công cụ và kinh phí cho việc sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông. 5. Định kỳ 3 (ba) tháng một lần, thực hiện kiểm tra các tuyến cáp viễn thông là tài sản của mình để cập nhật các thông tin: Tình trạng hiện tại (độ võng, tính thẩm mỹ, bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho người dân xung quanh) của tuyến cáp treo trên cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh treo trên cột điện, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông. 6. Định kỳ 06 tháng, một năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.	2. Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan. 3. Thực hiện việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan. 4. Trường hợp treo mới hoặc treo bổ sung cáp viễn thông, phải có văn bản chấp thuận của đơn vị quản lý cột treo cáp và bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan; đồng thời phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp để làm gọn, sắp xếp và đưa cáp viễn thông vào khuyên, gông theo đúng quy định. 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các vi phạm phát sinh trong quá trình lắp đặt và sử dụng trên cột treo cáp gây sự cố lưới điện, tai nạn lao động hoặc các sự cố khác làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị quản lý cột treo cáp và các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp.	hợp với cơ quan quản lý và đơn vị liên quan; khuyến khích sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật. - Bổ sung thêm: Việc quản lý, khai thác cáp, tháo dỡ cáp mất an toàn; việc chấp thuận bằng văn bản khi treo mới/bổ sung tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật; gửi kế hoạch cho Sở KH&CN, UBND xã, phường trước khi triển khai; chịu trách nhiệm pháp lý nếu gây sự cố, mất an toàn. - Bổ: báo cáo định kỳ 3, 6, 12 tháng; lập kế hoạch hàng năm gửi Sở Khoa học và Công nghệ; chi tiết về nhân lực, phương tiện, công cụ và kinh phí.
- <i>Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND:</i> Điều 9. Điều khoản thi hành Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, các cơ quan, doanh nghiệp phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. - <i>Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND:</i>	Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Quy định Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cần kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét, điều chỉnh Quy định cho phù hợp.	Kế thừa quy định cũ, đầu mỗi quản lý từ Sở Thông tin và Truyền thông về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung quy định Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.		
--	--	--

Trên đây là bản so sánh, thuyết minh Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.